

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST

Ngày 28-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tổ Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 455/2020/TLST-DS ngày 02/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quy ết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS ngày 26/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q; trụ sở: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà S, số 111A P, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Tầng 6, tòa nhà P – 26 U, phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 116 (số cũ 35/29), đường số 15, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (V), Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế

kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của bà Lê Thị N, các văn bản của bà Lê Thị N ký với V về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 07/12/2019, V đồng ý cấp các thẻ tín dụng cho bà Lê Thị Ngân, chi tiết như sau:

- Thẻ tín dụng 01: Số thẻ: 5130949400000618; loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế VIB Premier Boundless; ngày cấp: 07/12/2019; hạn mức thẻ: 80.000.000 VNĐ; lãi suất, phí: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

- Thẻ tín dụng 02: Số thẻ: 5138920000306277; loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế VIB Zero Interest Rate; ngày cấp: 07/12/2019; hạn mức thẻ: 40.000.000 VNĐ; lãi suất, phí: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Quá trình sử dụng thẻ, bà Lê Thị N luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy VIB đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 04/07/2020.

Nay V khởi kiện buộc bà Lê Thị N phải trả cho V số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/4/2021 là: 193.297.062 đồng, trong đó bao gồm:

- Tiền nợ phát sinh từ thẻ tín dụng số 5130949400000618: Nợ gốc: 67.657.249 đồng, nợ lãi: 16.865.398 đồng, phí thanh toán trễ hạn: 20.800.000 đồng, phí vượt hạn mức: 8.424.963 đồng, phí thường niên: 1.299.000 đồng. Tổng cộng: 115.046.610 đồng.

- Tiền nợ phát sinh từ thẻ tín dụng số 5138920000306277: Nợ gốc: 39.626.391 đồng, nợ lãi: 0 đồng, phí thanh toán trễ hạn: 19.284.781 đồng, phí vượt hạn mức: 7.323.370 đồng, phí cam kết thanh toán: 11.316.910 đồng, phí thường niên: 699.000 đồng. Tổng cộng: 78.250.452 đồng.

Tiền lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 29/4/2021 cho đến khi bà Lê Thị N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V đã ký.

- Đối với bị đơn bà Lê Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đăng báo và phát trên Đài phát thanh của Trung) và yêu cầu bà Lê Thị N có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của V nhưng bà N không có mặt, không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án triệu tập bà Bích tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà N vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã thông báo yêu cầu bà N tham gia phiên tòa vào ngày 12/4/2021 và ngày 28/4/2021 nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được thông báo hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Lê Thị N là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án thông báo hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 12/4/2021 và 28/4/2021 nhưng vắng mặt hai lần không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/12/2019 có chữ ký của bà Lê Thị N, theo đó sau khi xem xét Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V bà N đồng ý sử dụng 02 thẻ tín dụng do V phát hành: thẻ tín dụng số 5130949400000618 và thẻ tín dụng số 5138920000306277. Đây là giao dịch thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa bà Ng và V. Căn cứ vào bảng sao kê tài khoản của bà N do V cung cấp thì quá trình sử dụng 02 thẻ tín dụng nêu trên bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi và các khoản phí theo quy định tại các Điều khoản 8.0, 10.0 và 11.0 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V. Ngân hàng V đã chuyển khoản vay của bà Ng thành nợ quá hạn từ ngày 04/7/2020. Cụ thể:

[3] - Đối với thẻ tín dụng số 5130949400000618: Nợ gốc: 67.657.249 đồng, nợ lãi: 16.865.398 đồng, phí thanh toán trễ hạn: 20.800.000 đồng, phí vượt hạn mức: 8.424.963 đồng, phí thường niên: 1.299.000 đồng. Tổng cộng: 115.046.610 đồng.

[4] - Đối với thẻ tín dụng số 5138920000306277: Nợ gốc: 39.626.391 đồng, nợ lãi: 0 đồng, phí thanh toán trễ hạn: 19.284.781 đồng, phí vượt hạn mức: 7.323.370 đồng, phí cam kết thanh toán: 11.316.910 đồng, phí thường niên: 699.000 đồng. Tổng cộng: 78.250.452 đồng.

[5] Tổng cộng số nợ phát sinh từ hai thẻ tín dụng trên là 193.297.062 đồng.

[6] Bà N đã được thông báo hợp lệ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ của nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N tham gia tố tụng nhưng bà N vắng mặt không có lý do, tức là bà N đã tự từ bỏ quyền chứng minh và phản bác yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ của nguyên đơn cung cấp. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Do đó, nguyên đơn căn cứ vào thỏa thuận của hai bên tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/12/2019, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, sao kê tài khoản ngân hàng của bà N để yêu cầu bà Ng phải trả số nợ phát sinh từ việc sử dụng hai thẻ tín dụng trên là có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 280 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với bà Lê Thị N.

Buộc bà Lê Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền còn nợ tính đến ngày 28/4/2021 là 193.297.062 (một trăm chín mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi hai) đồng. Trong đó bao gồm:

- Tiền nợ phát sinh từ thẻ tín dụng số 5130949400000618: Nợ gốc: 67.657.249 đồng, nợ lãi: 16.865.398 đồng, phí thanh toán trễ hạn: 20.800.000 đồng, phí vượt hạn mức: 8.424.963 đồng, phí thường niên: 1.299.000 đồng. Tổng cộng: 115.046.610 đồng.

- Tiền nợ phát sinh từ thẻ tín dụng số 5138920000306277: Nợ gốc: 39.626.391 đồng, nợ lãi: 0 đồng, phí thanh toán trễ hạn: 19.284.781 đồng, phí vượt hạn mức: 7.323.370 đồng, phí cam kết thanh toán: 11.316.910 đồng, phí thường niên: 699.000 đồng. Tổng cộng: 78.250.452 đồng.

Tiền lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 29/4/2021 cho đến khi bà Lê Thị N thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, căn cứ theo mức lãi suất, mức phí quy định tại văn bản đề nghị phát hành thẻ tín

dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 07/12/2019, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu 9.665.000 (chín triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q 3.425.000 (ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049059 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và bà Lê Thị N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Dương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS TP. Dĩ An (01);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Thanh**

